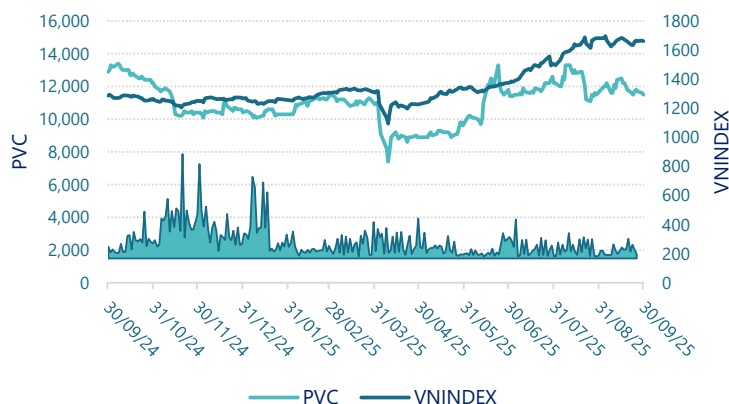


Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP (HNX: PVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,260,450
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	934
P/E	46.9
EPS	245

DT thuần

Q3/25

1,511

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 438 | 40.8%

YoY: ▲ 761 | 102%

LN sau thuế

Q3/25

16.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.35 | 105%

YoY: ▲ 15.7 | 2412%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.0%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

9T 2025

3,577

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,633 | 84.0%

LN sau thuế

9T 2025

31.8

tỷ VNĐ

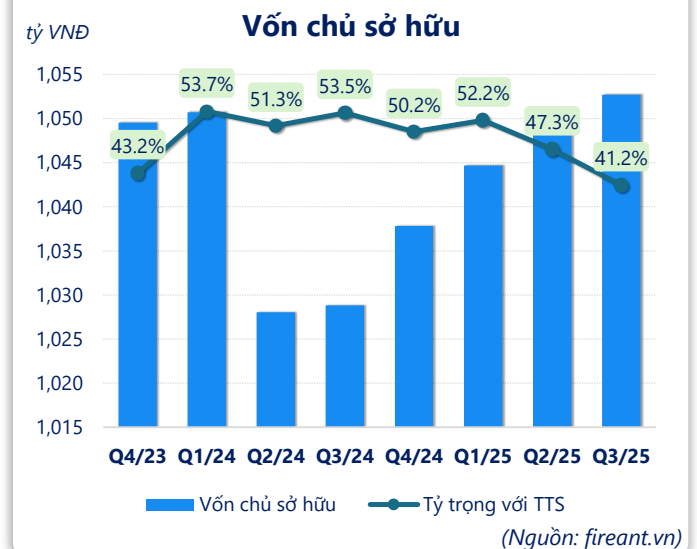
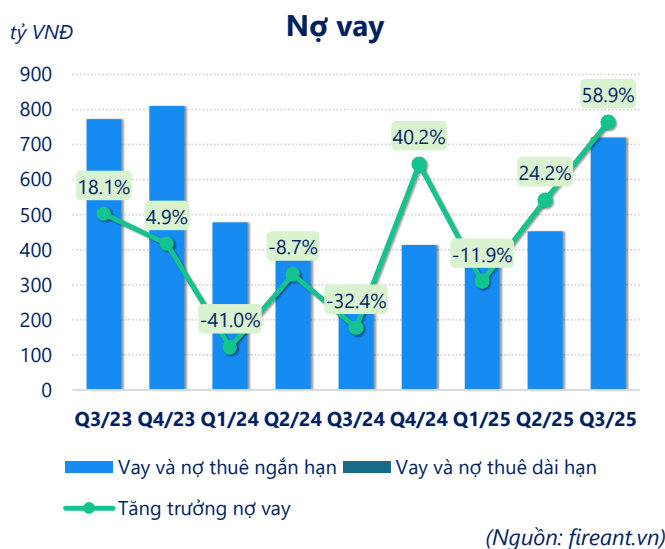
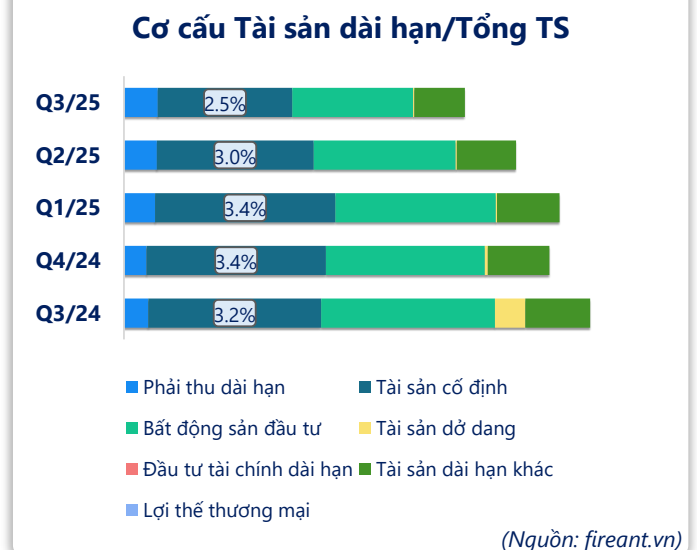
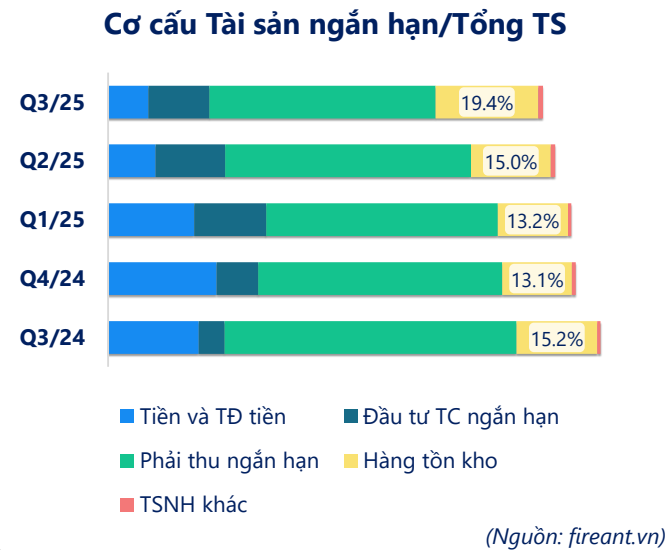
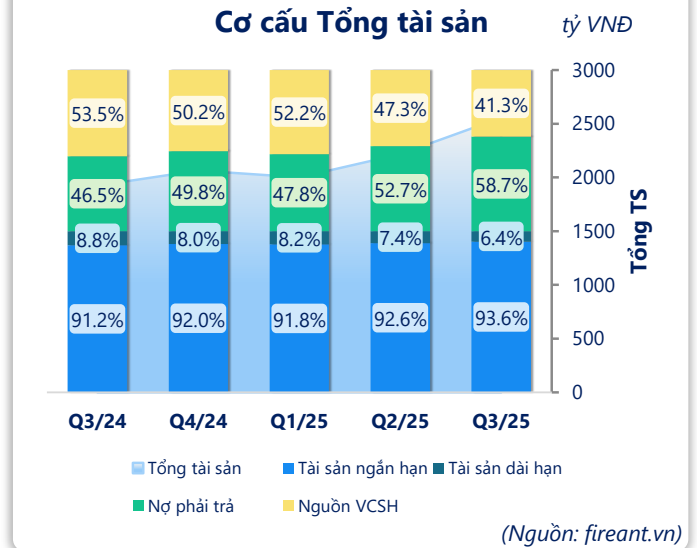
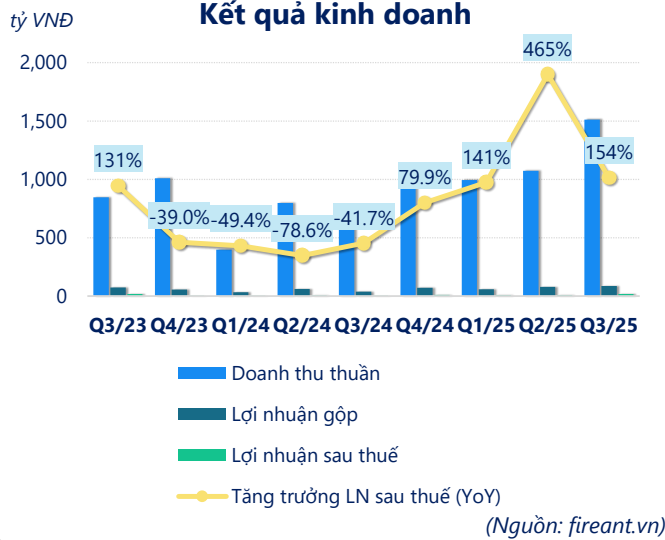
YoY: ▲ 25.4 | 397%

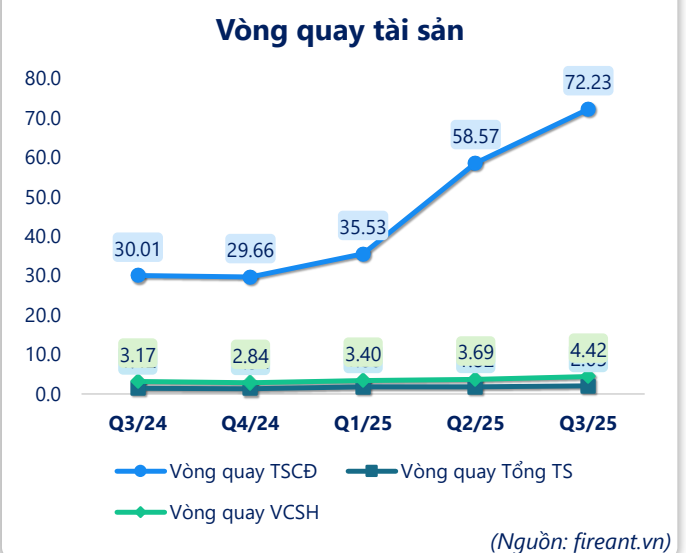
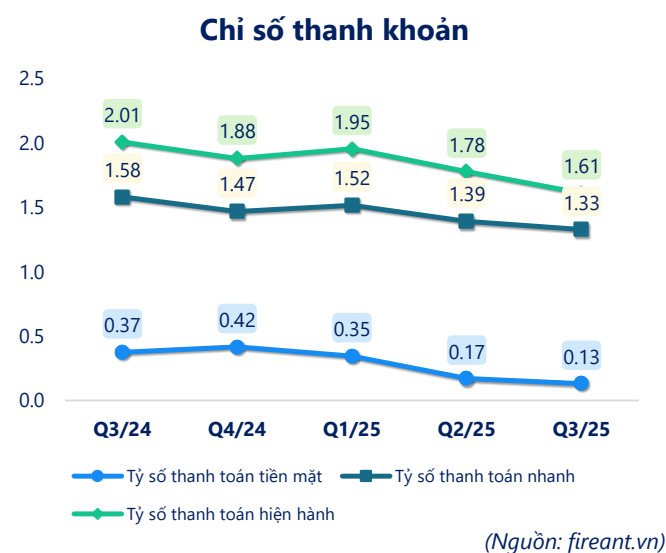
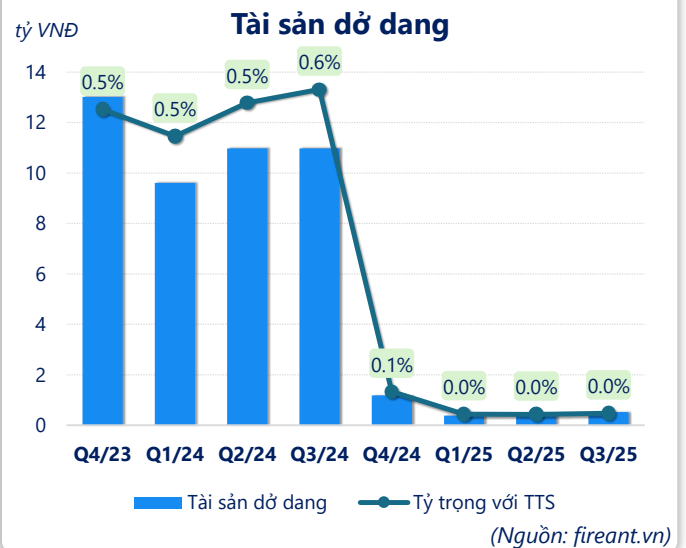
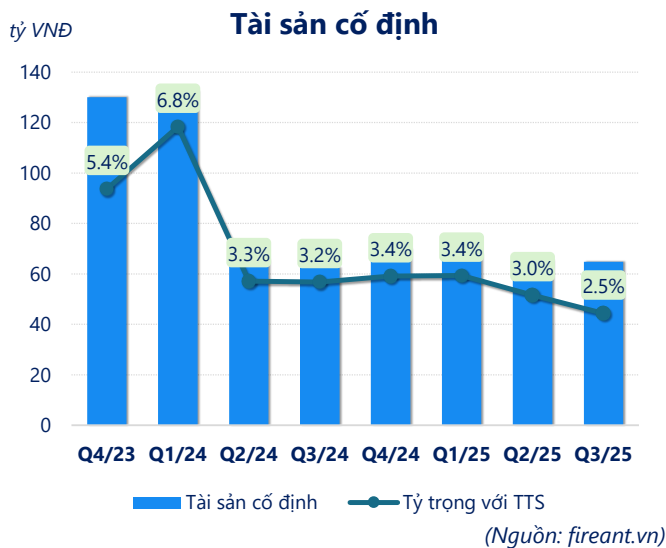
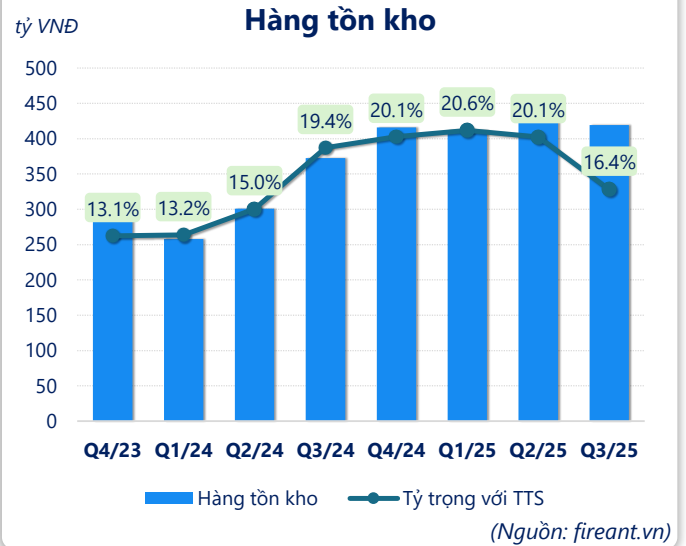
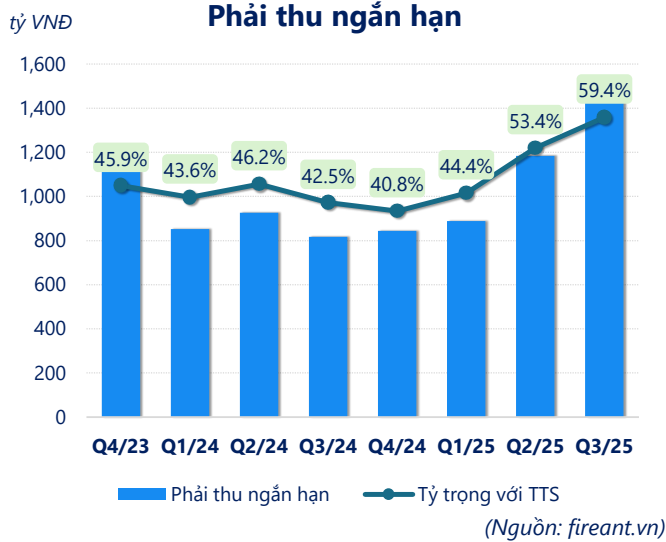
ROE

Q3/25

1.9%

+/- YoY: ▲ 1.9%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,924	2,065	2,002	2,217	2,556
Tài sản ngắn hạn	1,755	1,900	1,838	2,054	2,392
Tiền và tương đương tiền	327	421	325	198	194
Đầu tư tài chính ngắn hạn	221	203	190	213	246
Phải thu ngắn hạn	818	844	889	1,183	1,519
Hàng tồn kho	372	416	412	446	419
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	16.1	21.6	14.4	14.2
Tài sản dài hạn	169	165	164	164	164
Phải thu dài hạn	8.83	8.69	11.7	13.7	16.2
Tài sản cố định	62.5	69.8	67.9	65.4	64.8
Bất động sản đầu tư	62.9	61.7	60.5	59.3	58.0
Tài sản dở dang	11.0	1.18	0.38	0.41	0.52
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	23.5	23.9	23.5	24.7	24.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	895	1,028	957	1,169	1,500
Nợ ngắn hạn	875	1,011	941	1,155	1,487
Vay và nợ thuê ngắn hạn	295	414	365	453	720
Phải trả người bán ngắn hạn	346	370	339	415	438
Nợ dài hạn	20.1	16.4	16.2	13.5	13.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,029	1,038	1,045	1,049	1,056
Vốn chủ sở hữu	1,029	1,038	1,045	1,049	1,053
Vốn điều lệ	812	812	812	812	812
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	3.39

(Nguồn: fireant.vn)